

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-SNNMT ngày 21/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục 25 thủ tục hành chính (TTHC), trong đó: 23 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện; và phê duyệt quy trình nội bộ giải

quyết TTHC lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay Danh mục TTHC lĩnh vực tài nguyên nước tại Mục IV, Phần A, Phụ lục I; Mục II, Phần B, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung TTHC được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (02b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (23 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã thủ tục: 1.012500	17 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. Mã thủ tục: 1.012501	6 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ	Không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

			hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)		- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch Mã thủ tục: 1.012502	11 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất Mã thủ tục TTHC: 1.012503	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch	Không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

			vụ công trực tuyến (một phần)		- Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất Mã thủ tục: 1.012504	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền Mã thủ tục: 1.012505	20 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc

					phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
7	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm Mã thủ tục: 1.004232	34 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Đối với thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 358.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 985.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.300.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 4.480.000đ	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
8	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có	29 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp	- Đối với thiết kế giếng thăm dò có lưu	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan

	quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm Mã thủ tục: 1.004228		và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 179.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 492.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.150.000đ - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.240.000đ	nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
9	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm Mã thủ tục: 1.004223	34 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Đối với báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 358.000đ	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

			- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m3 đến dưới 500 m3/ngày đêm: 985.000đ - Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m3 đến dưới 1.000 m3/ngày đêm: 2.300.000đ - Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 4.480.000đ	- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
10	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm Mã thủ tục: 1.004211	29 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Đối với báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng dưới 200 m3/ngày đêm: 179.000đ	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

			- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m3 đến dưới 500 m3/ngày đêm: 492.000đ - Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m3 đến dưới 1.000 m3/ngày đêm: 1.150.000đ - Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 2.240.000đ	- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
11	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã thủ tục: 1.004122	18 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	1.200.000 đồng/hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

			- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)		- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã thủ tục: 2.001738	13 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	600.000 đồng/hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ Mã thủ tục: 1.004253	6 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành Mã thủ tục: 1.009669	20 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
15	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	34 ngày (Trường hợp nộp cùng với	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài

	Mã thủ tục: 2.001770	hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước) 29 ngày (Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (toàn trình)		nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Mã thủ tục: 1.004283	16 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

17	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển Mã thủ tục: 1.011516	21 ngày (đối với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng), 11 ngày (đối với trường hợp công trình không phải là hồ chứa, đập dâng)	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
18	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024) Mã thủ tục: 1.004179	34 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc các mục đích khác với	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

				lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 538.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.600.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến	- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
--	--	--	--	--	--

				dưới 1 m³/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 4.056.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³ đến dưới 2 m³/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³ đến dưới	
--	--	--	--	---	--

				50.000 m3/ngày đêm: 7.530.000đ	
19	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển Mã thủ tục: 1.004167	29 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m3/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m3/ngày đêm: 269.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m3 đến dưới 0,5 m3/giây; hoặc để phát điện với công suất	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

				từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 800.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến dưới 1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.028.000đ	
--	--	--	--	--	--

				- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m ³ đến dưới 2 m ³ /giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm: 3.765.000đ	
20	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã thủ tục: 1.011518	17 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

			vụ công trực tuyến (một phần)		- Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
21	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã thủ tục: 1.000824	13 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	- Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò/khai thác, sử dụng nước dưới đất: + Đối với thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 107.400 đồng + Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 295.500 đồng + Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 690.000 đồng	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

				+ Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.344.000 đồng. - Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 161.400 đồng	
--	--	--	--	---	--

				+ Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 480.000 đồng + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến dưới 1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất	
--	--	--	--	---	--

				từ 1.000 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 1.216.800 đồng + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³ đến dưới 2 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm:	
--	--	--	--	---	--

				2.259.000 đồng.	
22	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện Mã thủ tục: 2.001850	37 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	không	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
23	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) Mã thủ tục: 1.001740	42 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không quy định (Kính phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả)	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất Mã thủ tục: 1.001662	11 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) Mã thủ tục: 1.001645	32 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến (một phần)	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

PHẦN II:
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 19 quy trình

1. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	10 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực giấy phép.	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

2. Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo văn bản. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	04 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy xác nhận đăng ký	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				11 ngày

3. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	13 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

4. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ.	25 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép thăm dò nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				34 ngày

5. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép gia hạn/điều chỉnh thăm dò nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				29 ngày

6. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép.	25 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				34 ngày

7. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 29 ngày

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép gia hạn/điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				29 ngày

8. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 20 ngày
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	13 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				20 ngày

9. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

9.1. Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	25 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				34 ngày

9.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				29 ngày

10. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	09 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				16 ngày

11. Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt

11.1. Đối với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Văn bản. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	12 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				21 ngày

11.2. Đối với trường hợp công trình không phải là hồ chứa, đập dâng

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Văn bản. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	04 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				11 ngày

12. Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	25 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép khai thác nước mặt	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				34 ngày

13. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép gia hạn, điều chỉnh khai thác nước mặt	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				29 ngày

14. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	10 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

15. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	06 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (Cấp lại)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				13 ngày

16. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	28 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				37 ngày

17. Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Văn bản. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	33 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				42 ngày

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 06 quy trình

1. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	3 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Quyết định chấp thuận trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				06 ngày làm việc

2. Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn bản cho ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				23 ngày

3. Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	20 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn bản cho ý kiến đối với kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				23 ngày

4. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	15 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày

5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	10 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (gia hạn, điều chỉnh)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				13 ngày

6. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Giấy phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản/Giấy phép. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Cấp lại)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				06 ngày

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN UBND CẤP HUYỆN: 02 quy trình

1. Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tờ khai của tổ chức, cá nhân	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Cán bộ, chuyên viên được phụ trách phân công	Kiểm tra nội dung, thông tin	6 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	UBND huyện	UBND huyện	Xác nhận tờ khai	03 ngày
B4	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

2. Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Cán bộ, chuyên viên được phụ trách phân công	Tham mưu tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng. Tổng hợp ý kiến, dự thảo văn bản.	27 ngày
		Lãnh đạo phòng	Thẩm định văn bản	1/2 ngày
B3	UBND huyện	UBND huyện	Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân liên quan gửi chủ đầu tư dự án	03 ngày
B4	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày